

ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2012 -2017

(ban hành kèm theo thông báo số 02-2012/TB-HĐQT ngày 22/02/2012

v/v đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS SHS nhiệm kỳ 2012-2017)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội¹ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/11/2011;

Các nguyên tắc đề cử, ứng cử nhân sự để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2012-2017 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 được thực hiện như sau:

I. Tiêu chuẩn chung đối với người được đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của SHS:
 - a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại SHS;
 - d) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại SHS;
 - e) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại SHS;
 - f) Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn từ 1-3 năm, kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản;

¹ Điều lệ SHS được đăng tải tại địa chỉ: <http://www.shs.com.vn/CompanyPolicy.aspx>

- g) Người đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - h) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và quản lý khác của SHS không được làm thành viên Ban Kiểm soát của SHS;
 - i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị
- a) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - b) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông (trừ trường hợp là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của SHS) hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán.
3. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với thành viên Ban Kiểm soát:
- a) Có đạo đức nghề nghiệp;
 - b) Từ 21 tuổi trở lên, có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.
 - c) Đối với thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

II. Quyền đề cử, ứng cử

Số lượng ứng cử viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử, ứng cử được quy định cụ thể trong điều lệ của SHS (Điều 39.4 và Điều 54.5). Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không được đề cử, ứng cử đủ số lượng ứng cử viên hoặc ứng viên không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo luật định, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện đề cử bổ sung.

III. Hồ sơ ứng cử, đề cử:

Cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát phải gửi đến SHS các hồ sơ, tài liệu sau:

1. Thông báo đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (theo mẫu đính kèm) (03 bản);
2. Lý lịch cá nhân (theo mẫu đính kèm), phiếu lý lịch tư pháp (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên (03 bản);
3. Bản sao (có chứng thực của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng gần nhất) các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn của các ứng viên theo quy định (03 bản);
4. Các văn bản khác chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (nếu có) (03 bản);
5. Trường hợp người được bầu không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, hồ sơ còn bao gồm Phiếu lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Phiếu này phải được hợp thực hóa lãnh sự. Trường hợp người nước ngoài hiện đã cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên thì phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp của Việt Nam nơi người nước ngoài đang cư trú cấp./.